TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Thiết kế đồ họa**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 12 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 07, tự chọn: 05)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**7**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
TK70131	Giới thiệu ngành thiết kế đồ họa	1	15	15	0
TK70101	Ứng dụng AI trong thiết kế đồ họa	2	45	15	30
TK70132	Màu sắc cơ bản	2	45	15	30
TH70001	Tin học 1 (*)	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
Học phần tự chọn Kỹ năng (Chọn 01 trong 02 học phần)		**2**			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 01 trong 02 học phần)		**3**			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71301	Chinese 1	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17, tự chọn: 03)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			

CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
TK70103	Điêu khắc mô hình	2	45	15	30
TK70107	Nguyên lý thị giác	2	45	15	30
TK70108	Thực hành phần mềm ứng dụng I	2	45	15	30
TK70110	Hình họa I	2	60	0	60
TT70113	Kỹ thuật quay phim và biên tập video	2	45	15	30
TT70114	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	2	45	15	30
TH70002	Tin học 2 (*)	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (*)	2	60	0	60
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 01 trong 02 học phần)		**3**			
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71302	Chinese 2	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**0**			
CB71412	Bóng đá (*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền (*)	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông (*)	1	30	0	30
CB71410	Pickleball (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 03)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**13**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0

TK70105	Lịch sử mỹ thuật và thiết kế	2	45	15	30
TK70109	Thực hành phần mềm ứng dụng II (TK)	2	45	15	30
TK70133	Kiến tập nghề nghiệp 1	3	180	0	180
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 01 trong 02 học phần)		**3**			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71303	Chinese 3	3	45	45	0
Học phần tự chọn GDTC (Chọn 01 trong 03 học phần)		**0**			
CB71413	Fitness (*)	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ (*)	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
TK70112	Nguyên lý thiết kế Website I	2	45	15	30
TK70116	Lý thuyết văn hóa thị giác	2	45	15	30
TK70117	Nghệ thuật chữ cơ bản	2	45	15	30
TK70119	Biên kịch và sản xuất TVC và phim ngắn	3	75	15	60
TK70104	Mỹ thuật học	2	45	15	30
TK70134	Thực tế nghiên cứu vốn cổ dân tộc	2	45	15	30
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 0 trong 0 học phần)		**0**			
TA71334	English for International Certification (*)	9	135	135	0
TQ71304	Chinese for International Certification (*)	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0

CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TK70102	Phương pháp sáng tạo trong thiết kế	2	45	15	30
TK70115	Nguyên lý thiết kế Website II	2	45	15	30
TK70118	Nghệ thuật chữ nâng cao	3	75	15	60
TK70120	Thiết kế đồ họa động	3	75	15	60
TK70121	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	75	15	60
TK70135	Kiến tập nghề nghiệp 2	3	180	0	180
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 09, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**9**			
TK70122	Thực hành phần mềm ứng dụng chuyên ngành I	3	75	15	60
TK70123	Thực hành phần mềm ứng dụng chuyên ngành II	3	75	15	60
TK70124	Thiết kế logo và ấn phẩm văn phòng	3	75	15	60
Học phần tự chọn (Chọn 04 học phần theo Chuyên ngành)		**12**			
Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa in ấn và truyền thông					
TK70125	Thiết kế ấn phẩm thương mại	3	75	15	60
TK70126	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3	75	15	60
TK70127	Thiết kế tạp chí	3	75	15	60
TK70128	Thiết kế truyện tranh	3	75	15	60
Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa in ấn và truyền thông					
TK70235	Từ kịch bản đến khung hình	3	75	15	60
TK70236	Thiết kế nhân vật trong hoạt hình và game	3	75	15	60
TK70237	Mô hình trong hoạt hình và game	3	75	15	60
TK70238	Kết cấu 3D, làm chuyển động và hệ thống cơ bắp	3	75	15	60
HỌC KỲ 7: 11 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 06, tự chọn: 04)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**7**			
TK70129	Thực tập tốt nghiệp	7	420	0	420
Học phần tự chọn (Chọn 02 trong 04 học phần Chuyên ngành)		**4**			

Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa in ấn và truyền thông					
TK71131	Quảng cáo ngoài trời	2	45	15	30
TK71132	Quảng cáo truyền thông	2	45	15	30
TK71133	Truyền thông bằng hình ảnh thị giác	2	45	15	30
TK71134	Thiết kế đồ họa cho truyền hình	2	45	15	30
Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa in ấn và truyền thông					
TK71242	Diễn họa hoạt hình stop motion	2	45	15	30
TK71243	Diễn hoạt cho game (TK)	2	45	15	30
TK71244	Hoạt hình 2D và hiệu ứng	2	45	15	30
TK71245	Hậu kỳ cho phim hoạt hình	2	45	15	30
HỌC KỲ 8: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 05, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Chuyên ngành: Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện		**5**			
TK70130	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	5	135	15	120
Chuyên ngành: Quản trị truyền thông và quảng cáo		**5**			
TK70241	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	5	135	15	120